

Loại hình tác giả nhà Nho hành đạo trong văn học trung đại Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp Ngô Thì Nhậm

Confucian intellectual in Vietnamese middle-age literature:
The case of Ngo Thi Nham

PGS.TS. Lê Văn Tấn

Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Le Van Tan, Assoc.Prof.,Ph.D.

Graduate Academy of Social Sciences, Vietnam Academy of Social Sciences

Tóm tắt

Ngô Thì Nhậm (1746-1803), tự Hy Doãn, hiệu là Đạt Hiên, người làng Tả Thanh Oai, nay thuộc huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Ông đỗ Giải nguyên năm 1768, rồi tiến sĩ Tam giáp năm 1775, làm quan trải các triều Lê - Trịnh và Tây Sơn. Với quan niệm hành tàng linh hoạt, Ngô Thì Nhậm đã theo đuổi và kiên trì con đường hành đạo của kẻ sĩ trong thời loạn. Với gần 600 bài thơ còn để lại, ông xứng đáng là mẫu hình nhà nho hành đạo tiêu biểu, một tác giả văn học lớn giai đoạn nửa cuối thế kỷ XVIII nói riêng, của văn học trung đại Việt Nam nói chung.

Từ khóa: Ngô Thì Nhậm, loại hình tác giả, tác giả nhà nho, nhà nho hành đạo, văn học trung đại.

Abstract

Ngô Thi Nham (1746-1803), also called Hy Doan and Dat Hien, was born in Ta Thanh Oai, Thanh Tri, Hanoi. He graduated with the highest score in 1768, became a PhD in 1775, then worked as a government official under the Le -Trinh and Tay Son regime. With a flexible lifestyle, Ngo Thi Nham had patiently pursued Confucianism during the wartime. With more than 600 poems, he set an example of a great author of the later half of the 18th century, as well as of Vietnamese middle-aged literature.

Keywords: Ngo Thi Nham, author type, confucian scholar author, confucian scholar on duty Medieval literature.

1. Đặt vấn đề

Nhắc đến Ngô Thì Nhậm là chúng ta nhắc tới một tác giả văn học lớn của văn học trung đại Việt Nam ở vào giai đoạn nửa cuối thế kỷ XVIII. Với một quan niệm hành tàng linh hoạt, con đường hành đạo của ông nhìn chung khá hiển đạt với những đóng góp to lớn trên phương diện chính trị và quân sự cho triều Lê - Trịnh, đặc biệt là Tây Sơn. Suốt cuộc đời của mình, dù ở bất

kỳ cương vị hay hoàn cảnh nào, ông đều luôn kiên trì lí tưởng phục vụ dân, phục vụ nước của một người trí thức chân chính. Ở lĩnh vực thơ văn, Ngô Thì Nhậm cũng để lại một khối lượng sáng tác đồ sộ với nội dung phong phú, cô đọng, giàu giá trị, chân thực và gần gũi với người đọc.

2. Con đường hành đạo của kẻ sĩ trong thời loạn

Với bất kỳ trí thức trung đại nào tiếp

thu sở học của Nho giáo thì điều mong ước lớn nhất là những lý thuyết họ tiếp thu được có thể mang thực hành. Bởi chính khi đó thì tài năng, tâm huyết của họ với triều chính, xã tắc mới có cơ hội bộc lộ. Nhưng có một thực tế là không phải bao giờ sự lựa chọn của nhà nho cũng tương thích với sự lựa chọn của lịch sử, dù chỉ là ở vào một tình huống nhất định nào đó. Có người thuận lợi, có người không thuận lợi và cũng có người mà dường như một nẻo đường đi của mình đã mãi mãi chỉ còn là mơ ước. Chúng tôi cho rằng khi nhìn nhận các nho sĩ và những đóng góp của họ đối với lịch sử cần phải được nhìn nhận trên nhiều chiều cạnh khác nhau mới có thể dựng lại được một cách trung thực nhất, khách quan nhất ở mỗi người.

Với trường hợp Ngô Thì Nhậm, như chúng ta biết, tài năng, học vấn và tâm huyết của ông đối với các triều đại được hình thành, một mặt từ truyền thống gia đình; mặt khác là tư tưởng trung quân ái quốc của Nho giáo. Nhưng hẳn có lẽ điều tạo nên một gương mặt riêng mang tên Ngô Thì Nhậm chính là ý chí và những trải nghiệm của chính cá nhân ông qua các vua chúa đương thời. Vốn thông minh, học giỏi, ông đã thi đỗ giải nguyên vào năm 1768, rồi tiến sĩ năm 1775. Sau khi thi đỗ, ông được bổ làm quan ở bộ Hộ dưới triều Lê - Trịnh và nhanh chóng chiếm được cảm tình của chúa Trịnh. Chúa Trịnh Sâm từng ví ông như con tuấn mã với sức chạy ngàn dặm. Năm 1778, ông được cử làm Đốc đồng Kinh Bắc và Thái Nguyên, rồi kinh qua các vị trí như Đông các Hiệu thư, Hàn lâm viện Hiệu thảo, Hữu thị lang Bộ Công. Tại thời điểm này, ông đã bắt đầu nổi tiếng về tài năng kinh sử và thơ văn trong đám sĩ phu Bắc Hà lúc bấy giờ.

Trong thời kỳ làm quan dưới trướng

của chúa Trịnh, Ngô Thì Nhậm đã tận tâm tận lực, lao tâm khổ tứ để có thể làm tốt bổn phận của mình, cũng là tinh thần tự nhiệm của nhà nho. Ông luôn quan tâm chăm lo đời sống của người dân, không ngần ngại bị chúa thất sủng trình báo thẳng thắn những điều tai nghe mắt thấy về tình cảnh của nhân dân hay những tệ nạn trong giới cầm quyền đương thời. Trong bài “*Điều trần Hải Dương xứ tình tệ khai*” (...), ông từng viết: “Ruộng đất ở vùng Đông nam thuộc vào loại tốt nhất trong nước, sông ngòi vây như dải mũ, đai lưng, đồng lầy màu mỡ, dù hạn hán, lụt lội, cũng không phải lo ngại... Nay đồng ruộng hoang vu, bỏ mặc không nhìn đến mà những nhân viên cai quản lại căn cứ vào sổ cũ để thu thuế, người làm ruộng phải mượn nghề mọn khác để lấy thóc nộp tô. Cái ần tình đau khổ của dân chính là ở chỗ đó. Tích lũy dần lâu đến chỗ không cung ứng nổi nữa. Do đó, dân chúng nghèo kiệt, tan tác cư ngụ ở các vùng lân cận, những kẻ ngoan ngành xảo trá thì tìm đủ mọi cách để được miễn trừ. Hiện tình ngày nay ở bản hạt, số mới phiêu bạt có tới 53 xã, số người được miễn trừ không chính đáng tới 30 xã. Phụng xét trước năm Canh Thìn, hạng chính đinh phải chịu phu dịch có tới hơn 13.500 suất, mà nay đăng tên vào sổ đinh chỉ có hơn 9.800 suất. Tình trạng hao mòn đó qua năm này tháng khác, không biết duyên do tại đâu mà đến nỗi thế?”¹. Trong thời gian làm Đốc đồng Thái Nguyên, Ngô Thì Nhậm còn cùng cha là Ngô Thì Sĩ, lúc đó đang làm Đốc trấn Lạng Sơn phối hợp với Trấn thủ Tuân Vãng hầu đánh dẹp loạn tại vùng Vũ Nhai và năm đó cũng là năm ông soạn xong tập “*Công vụ thành thư*”. Năm 1779, Ngô Thì Nhậm được thăng chức Đông các hiệu thư, phụng mệnh hiệp đồng với Trấn thủ Tuyên, Thái đánh dẹp

cuộc nổi dậy của Hoàng Văn Đồng ở Tuyên Quang. Ít lâu sau ông lại được sai đi kinh lược ở mỏ bạc Tống Tinh. Năm 1780 trở về triều, dâng sớ về phương sách thu thuế ở xưởng bạc, được chúa Trịnh rất khen ngợi, ban thưởng hậu. Tiếc là vào cuối năm đó xảy ra vụ án tranh đoạt ngôi chúa, Ngô Thì Nhậm bị liên can và đến năm 1782 thì xảy ra binh biến. Những người ít nhiều có liên quan đến vụ án năm Canh tý hoặc bị giết, hoặc bị bắt giam, tịch thu gia sản. Ngô Thì Nhậm đã buộc phải lánh nạn về quê của người vợ cả ở am Lê Trạch, xã Đội Trạch, trấn Sơn Nam (nay thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình)

Năm 1788, Nguyễn Huệ ra Bắc lần hai đã xuống lệnh “câu hiền” để phục vụ cho công cuộc xây dựng đất nước. Ngô Thì Nhậm và một số thân sĩ Bắc Hà khác như Phan Huy Ích, Bùi Dương Lịch, Ninh Tôn, Nguyễn Thế Lịch, Nguyễn Bá Lan, Đoàn Nguyễn Tuấn, Vũ Huy Tấn, Nguyễn Huy Lượng... đã lần lượt ra làm quan và đặc lộ với Tây Sơn.

Ra làm quan cho Tây Sơn là Ngô Thì Nhậm đã vượt qua được quan niệm trung quân có phần cổ hủ của nhiều nhà nho trước đây cũng như đương thời. Thời gian làm quan cho triều Tây Sơn, có thể nói Ngô Thì Nhậm như được chấp thêm đôi cánh. Bao tâm huyết với triều chính, với nhân dân của ông đã lại được tiếp tục và ở một tầm cao mới. Trong thời gian làm quan cho Tây Sơn, Ngô Thì Nhậm được vua Quang Trung đặc biệt tin dùng. Ban đầu ông được giao giữ chức Hữu thị lang bộ Công, tước Tinh Phái hầu, cùng với Võ Văn Ước coi tất cả các quan văn võ của nhà Lê. Sau đó, vào tháng 10 năm 1788, Tổng đốc Lương Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây) là Tôn Sĩ Nghị đem 29 vạn quân cùng hàng chục vạn phu dịch tiến qua

biên giới vào nội địa nước ta với dã tâm xâm lược, Ngô Thì Nhậm đã cùng với tướng được cử của Tây Sơn là Ngô Văn Sở bàn tính kế lui giặc. Công hiến quan trọng nhất tại thời điểm này của Ngô Thì Nhậm chính là “nước cờ Tam Điệp” giúp Quang Trung hành quân thần tốc ra Thăng Long và lập nên chiến thắng lẫy lừng mùa xuân năm 1789 khiến cho quân xâm lược khiếp sợ. Ba năm sau (1792), Ngô Thì Nhậm được kiêm chức Quốc sử thư Tổng tài và vào năm 1793 ông được cử làm Chánh sứ phái đoàn của triều Tây Sơn sang nhà Thanh báo tang vua Quang Trung (mất năm 1792) và cầu phong cho vua mới là Quang Toản. Sau khi đi sứ bình an trở về, Ngô Thì Nhậm đã mau chóng vô nam để giúp vua Quang Toản. Nhưng thời thế đã vần xoay, sứ mạng lịch sử hướng sang một biên độ khác, nội bộ triều đình chia rẽ sâu sắc, rồi khủng hoảng... Triều Nguyễn lên thay, Ngô Thì Nhậm cùng với một số sĩ quan của Tây Sơn bị mang ra xử phạt đánh bằng roi ở Văn Miếu. Sau trận đòn này, về nhà, Ngô Thì Nhậm, phần vì thể trạng thì ít mà phần vì uất thì nhiều mà chết. Ông đã vĩnh viễn dừng lại ở tuổi 57.

Như thế, có thể thấy, đặt ra và kiên trì con đường hành đạo của một kẻ sĩ trong thời loạn, dù ở vào tình huống nào, Ngô Thì Nhậm đã cố gắng không mệt mỏi, luôn bền chí và nhiệt thành với sự lựa chọn của mình. Sự minh triết của một nho sĩ lúc nào cũng canh cánh nỗi lo cho triều chính, nhân dân khiến từng cử chỉ, hành động của ông luôn hướng về cuộc đời ở vào những tháng năm oanh liệt nhất của lịch sử dân tộc. Những đóng góp của ông trên nhiều phương diện với triều Lê - Trịnh và Tây Sơn là rất lớn và cần phải có những công trình chuyên biệt.

3. Những vần thơ ngôn chí

Ngô Thì Nhậm có để lại khoảng gần

600 bài thơ. Trong số đó có một bộ phận không nhỏ là những vần thơ ngôn chí, thơ để nói chí. Đó là chí của một nho sĩ hành đạo mẫu mực mà tấm lòng luôn hướng tới xã tắc, nhân dân. Cái chí mà tác giả đã hấp thu được từ tư tưởng Nho gia, của người cha mình - danh sĩ Ngô Thì Sĩ cũng như từ thực tế trải nghiệm của bản thân. Khi được tin cha mình nhậm chức Trấn thủ Lạng Sơn, ông đã viết thơ mừng. Lời thơ thể hiện niềm hân hoan, vui sướng, chen lẫn tự hào:

*Ngũ sắc tường vân giáp đạo kỳ,
Sùng quang thử nhật bách ban kỳ.
Nhất gia binh tượng liên tam trấn,
Vạn lý phong cương khổng nhị thùỳ.
Xuất cách thù ân chân ngộ chúa,
Bồi hoan thắng hội toại vi nhi.
Vũ ban nguyện hiến Nam Sơn thọ,
Trú cảm đường tiền khách thái mi.*

(Hạ tôn thiều phó hùng trấn)

Năm sắc mây lành cờ xí rợp đường,
Ngày quang vinh này trăm về kỳ lạ.
Một nhà chỉ huy binh tượng liền ba trấn,
Muôn dặm trông coi bờ cõi hai biên thùỳ.
Đặc biệt ban ơn, thật là gặp chúa,
Hầu vui dịp hiếm, thỏa lòng làm con.
Mùa ban y, xin dâng lời chúc thọ Nam Sơn,
Trước “nhà Trú cảm”, chúc mừng cha già.

(Mừng cha đi Trấn thủ Lạng Sơn)²

Ông luôn xác định, tâm niệm về vai trò tự nhiệm của nhà nho trước cuộc đời. Bất gặp trong thơ Ngô Thì Nhậm hình tượng một con người luôn luôn sẵn sàng xả thân vì nghĩa cả, không quản ngại khó khăn gian khổ:

*... Địch khải bất hiềm dương liễu vãng,
Chiêu an chỉ tác thử miêu tuần.
... Tuyên bố giáo thanh thân tử chức,
Nguyện tương cam vũ nhuận sơn dân.*

(Độ Nguyệt Đức giang)

Đi đánh giặc không ngại li biệt lâu,
Việc chiêu an chỉ cốt đi tuần tra.
... Tuyên bố giáo hóa, là chức phận tôi con,

Xin đem đám mưa ngọt để tưới nhuần
cho dân miền núi.

(Qua đò sông Nguyệt Đức, tr.86)

Trong thời gian làm quan cho triều Lê - Trịnh, Ngô Thì Nhậm đã gắng hết sức lực của mình để phò tá chúa. Ông sẵn sàng nhận bất cứ nhiệm vụ nào khi được giao phó. Tình cảm đối với chúa Trịnh được ông thể hiện chân thành, kể cả khi bị án oan năm Canh Tý (1780). Tác giả đã ca ngợi đức chí hiếu của Trịnh Sâm sánh ngang tựa Ngu Thuấn. Và sau khi Trịnh Sâm mất, nơi góc bể chân trời, nhà thơ càng thấu hơn cái đức sáng của chúa. Tự ví mình như kẻ cô thân, ông cúi đầu vái vọng Tiên thánh vương bằng một tình cảm rất mực cảm động, tha thiết:

*Cương thường lễ nhạc thực trung thiên,
Di úy khiêm cung thập lục niên.
Vãn trị võ công quang Nghị, Triết,
Thần mô thánh đức lý Hy, Hiên.
Vân thâm Ngũ Nhạc dư anh vũ,
Trú vĩnh Tam Qui lão đồ quyền.
Hải giác cô thân khuê bá kiến,
Kiều Sơn vạn lý vọng hương diên.*

(Cung vãn tiên thánh vương)

Cương thường, lễ nhạc dựng giữa trời,
“Kính sợ” “khiêm cung” mười sáu năm.

Vãn trị, võ công, làm rực sáng Nghị
vương, Triết vương,
Thần mô, thánh liệt, đáng sánh ngang
Phục Hy, Hiên Viên.

Cung Ngũ Nhạc mây vẫn, còn lại chim
anh vũ,

Đất Tam Qui ngày dài, kêu rạc con đồ
quyên.

Góc bể chân trời, kẻ cô thân xa vời
dâng lạy,

Bái vọng về chiếu thom nơi Kiều Sơn
muôn dặm.

(Kính viếng tiên thánh vương, tr.100)

Trong thời gian lánh nạn ở quê vợ ở xã Đội Trạch, trấn Sơn Nam (nay thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình), ông luôn bền gan mãnh chí, tinh cảm, niềm tin luôn hướng tới ngày mai sẽ tươi sáng, cái ngày mà đấng quân vương sẽ xuất hiện và ông sẽ lại được đem tài năng của mình phục vụ triều chính, phục vụ nhân dân. Lời thơ viết ra như để ông tự động viên, khích lệ mình cần phải cố gắng:

*Học vấn vô tha tại miễn chiên,
Nhất tu đương bách, thập đường thiên.
Lãng vân Thái, Họa ưng gia quĩ,
Truy nhật hoa, lưu khoái chức tiên...*
(**Thư đề “Miễn trai”**)

Học hỏi không gì khác hơn là cố gắng,
Một “cần” bằng trăm, mười “cần”
bằng nghìn.

Núi Thái, núi Họa cao ngất trời, nên
thêm sọt nữa,

Ngựa hoa, ngựa lưu đuổi kịp mặt trời
cũng phải gia roi...

(*Viết đề “Miễn trai”, tr.123*)

Với tư tưởng đó nên khi được tham gia triều chính và được trọng dụng, Ngô Thì Nhậm như được lột xác. Ông đã viết nhiều bài thơ ngợi ca Quang Trung Nguyễn Huệ, ngợi ca triều đại Tây Sơn. Lời thơ được viết ra đầy phấn kích với niềm tin, sự lạc quan của ông về một thời đại mới sẽ được mở ra:

*Vạn đội du long ửng Ngọc Hoàng,
Uy gia hải nội cộng phi dương.
Tảo không tích vụ khai thu sắc,
Y cựu trung thiên kiến Thái dương...*
(**Đại phong**)

Muôn đội rồng lượn, ủng hộ Ngọc Hoàng,
Cùng bay bổng ra oai trong thiên hạ.

Quét quang mây mù, mở ra màu thu,
Thấy vàng Thái dương giữa trời như cũ...

(*Gió to, tr.107*)

Một loạt bài thơ được ông viết để gửi

cho người em là Học Tôn, ông chú ruột hay ông họ Trần ở Vân Canh, tặng quan trung thư Trần Văn Kỳ... và nhiều bài thơ khác được viết khi Ngô Thì Nhậm đi sứ trở về từ Yên Kinh đến Phú Xuân tiếp tục cho thấy tình cảm cũng như sự ngưỡng mộ tin tưởng vào vận hội mới của đất nước:

*Phong ư xuân lệnh, nhật ư đông,
Hàm cảm thường tôn chí ái trung.
Tuân lật uy nghi, Kỳ thượng trúc,
Kiên cương khí vũ, tuế hàn tùng.
Thùy thân, hợp đáng lai nguyên lão,
Miễn trụ, chân như ức lệnh công.
Giáng khuyết vân cao, thiêu hộ nhĩ,
Liễu doanh y ước thái thanh chung.*

(**Tặng trung thư Kỳ Thiện Hầu**)

Như gió mùa xuân, như mặt trời mùa
đông,

Thông cảm nhau, còn mãi lòng thân ái.

Uy nghi nghiêm chỉnh như cây trúc
sông Kỳ,

Lòng dạ vững vàng như cây tùng mùa
lạnh.

Rủ dai, cần phải có bậc nguyên lão,

Cất mũ, luôn luôn nhớ đến tôn ông.

Gần gũi nhạc Quân thiêu dưới bóng
mây cao trên cửa khuyết,

Văng vẳng chuông Thái thanh đưa đến
quân doanh.

(*Tặng quant rung thư là*

Kỳ Thiện Hầu, tr.179)

Và thế là trên đường vào Nam để
nhậm chức, lòng ông bỗng trở nên phơi
phới. Cảnh quan một dải đất nước thu vào
tâm mắt thi nhân, châu tuần về với người
anh hùng áo vải:

*Sơ độ nam du đảo Nghệ An,
Phong quan nhất mộng nhất kỳ quan.*

Sa đê vạn lý triều tông hải,

Thạch bảo thiên trùng quải hán san.

Địa hữu công hầu sa thủy tú,

Thiên sinh hào kiệt đầu tinh hoàn.

*Mai trình ký thủ danh hương áp,
Lịch lịch sư mô tại giản biên.*

(Nghệ An đạo trung)

Lần đầu đi miền Nam đến Nghệ An,
Mỗi cảnh vật là một mộng, một kỳ quan.
Đê cát muôn dặm châu về biển cả,
Lũy đá ngàn trùng, vút tận sông Ngân.
Đất có công hầu, cảnh non sông thanh tú,
Trời sinh hào kiệt, sao đầu tinh vòng quanh.
Đường mai ghi nhớ những thôn làng
nổi tiếng,
Rành rành các bộ anh hùng ghi trong
sử sách.

(Trên đường Nghệ An, tr.149)

Niềm lạc quan vào một triều đại mới sẽ mang lại cảnh thái bình cho đất nước, no ấm cho nhân dân như vậy ở Ngô Thì Nhậm sẽ khiến cho chúng ta càng thêm hiểu vì sao sự ra đi đột ngột của Quang Trung khiến cho ông buồn đau khôn tả. Tác giả đã viết những vần thơ thể hiện nỗi trống vắng không gì bù đắp nổi trong lòng mình. Viễn cảnh huy hoàng của thời vua sáng tôi hiền hình như cứ mờ dần, nhòa dần trong ông khi hình ảnh của đức cao lúc tỏ lúc nhòa:

*Cửu tiêu tuyên chỉ thôi triều sứ,
Mã sậu xa trì chỉ Đẩu tiêu.
Thiên thụ tinh thần khai huyền lạn,
Địa din ham lĩnh thất thiêu nghiêu.
Hoàng hoàng minh chúc truyền mai dịch,
Bái bái hành tinh phát liễu điều.
Ngũ dạ loan thanh tân nhập mộng,
Y hi Nam khuyết bạng Quân Thiêu.*

(Dạ hành)

Cửu trùng xuống chiếu giục già sứ già
vào châu,
Ngựa ruổi xe bon nhấm hướng chuôi
sao Đẩu.
Trời sáng các vì sao chói lọi,
Đất bằng phẳng, hết núi non nhấp nhô.
Đuốc sáng huy hoàng truyền khắp
trạm mai,

Cờ bay phấp phới chạm vào cành liễu.
Năm canh tiếng loan nghi luôn vào
giác mộng,
Phảng phất như đang ở cửa khuyết
phương Nam nghe nhạc Quân Thiêu.

(Đi đêm, tr.339)

Trở lên có thể thấy, dù ở vào tình huống nào, phục vụ triều đại nào thì bản thân Ngô Thì Nhậm đều luôn nhiệt thành cống hiến, phục vụ, một lòng vì đất nước, vì nhân dân. Qua những vần thơ của ông, chúng ta có thể thấy được cái hùng tâm tráng chí hết sức lớn lao của một kẻ sĩ hành đạo tiêu biểu trong thời loạn. Thơ ngôn chí của ông xứng đáng là một kiêu mẫu cho các nhà nho đương thời và sau ông học tập, noi gương.

4. Về đẹp thơ đi sứ

Ngô Thì Nhậm nhận nhiệm vụ công cán sang nhà Thanh trong một bối cảnh đặc biệt. Với danh chánh sứ đi báo tang và cầu phong cho vua mới, ông đã lên đường vào ngày 20 tháng 2 năm Quý sửu 1793 từ Thăng Long và ngày 08 tháng 5 ông đến Yên Kinh. Ngày 20 tháng 5 ông trở về và tháng 9 cùng năm đó thì Ngô Thì Nhậm tới kinh đô. Trong chuyến đi sứ đầy vất vả này, tác giả đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chứng kiến được uy phong của vua Quang Trung và cũng qua đó thể hiện được tấm lòng tận trung của ông đối với tổ quốc. “Trên đường đi, phàm những chỗ hiểm dị của sông núi, nơi dừng lại, nơi ra đi ở các dịch quán, những di tích của người xưa, những cảnh trước mắt của người nay, nhất nhất đều vẽ lại...”³. Thơ đi sứ của ông còn lại bao gồm những sáng tác giàu giá trị trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật.

Trước hết, khi đặt chân lên tới vùng biên ải, tác giả đã phòng tầm mắt ra xa để ngắm cảnh núi non của tổ quốc mình, lòng tự hào về một dải non sông gấm vóc, về

sức mạnh oai hùng cũng như những chiến công của cha ông thuở trước:

... *Thần kiếm thương lưu Minh tướng thạch,*

Quý môn không tỏa Hán từ yên.

Tự tông Nam Bắc khai quan hậu,

Chỉ điểm tinh biên chí tự Yên.

(**Lạng Sơn đạo trung**, kỳ nhất)

... Gương thân còn lưu vết trên hòn đá tướng Minh,

Khói ải Quỷ khóa đèn thờ tướng Hán.

Sau khi phương Nam phương Bắc mở thông cửa ải,

Người dẫn đường cho sứ từ Yên Kinh đến.

(*Đọc đường Lạng Sơn*, bài 1, tr.285)

Chỗ khác ông viết:

... Đạo lộ kiến tông thanh thảo xuất,

Điền trù văn tự lục vân khai.

Kỳ quan tối thị trường thiên sắc,

Trung cực kinh tinh huyền Đẩu Thai...

(**Lạng Sơn đạo trung**, kỳ nhị)

... Đường đi như xuất hiện từ đám cỏ xanh,

Ruộng nương như khai khẩn từ trên mây biếc.

Rất đổi kỳ quan là màu trời một dải,

Trong chòm kinh tinh ở ngôi trung cực, rực rỡ sao Đẩu sao Thai.

(*Đọc đường Lạng Sơn*, bài 2, tr.285)

Nhìn dòng sông Ninh Minh, dòng sông phát nguồn từ châu Thượng Tư thuộc dãy Thập vạn đại sơn Quảng Tây, chảy qua châu Ninh Minh, rồi đổ vào sông Tả Giang chỗ gần Bằng Tường, Ngô Thì Nhậm tức cảnh mà ghi lại bài thơ thể hiện ý thức về cương giới địa vực giữa hai quốc gia hết sức rõ rệt:

Bát đãi Phân Mao nhận Lĩnh Mai,

Sóc nam giới hạn tự an bài.

Thiên sơn bình cùng Vân, Kiếm giáng,

Nhất thủy càn lưu Bác, Lãng lai.

Địa đạo ẩn cơ phi ngẫu nhĩ,

Thiên công thâm ý khởi đồ tai.

Bảo thư “phận định” nhàn khan thực,

Hựu bả đồ kinh nhất triển khai.

(**Ninh Minh giang ký kiến**)

Không đợi đến núi Phân Mao mới nhìn ra cảnh mai Dữu Lĩnh,

Giới hạn Nam Bắc đã tự xếp đặt.

Nghìn ngọn núi châu về đông nam, từ Kiềm Châu,

Vân Nam kéo xuống,

Một dòng nước chảy qua tây bắc, từ An Bác, Thoát Lãng đổ về.

Mạch đất huyền vi chẳng phải ngẫu nhiên,

Ý trời âu thẩm nào phải bâng quơ.

Sách trời vạch rõ cương giới, ngày thường đã xem kỹ,

Nay lại mở bản đồ xem một lần nữa.

(*Ghi lại những điều trông thấy ở sông*

Ninh Minh, tr.297)

Ông làm khá nhiều bài vịnh các nhân vật lịch sử của Trung Hoa như Gia Cát Lượng, Giả Nghị, Văn Thiên Tường, Tô Đông Pha... để bày tỏ sự tôn kính với những bậc tiên hiền xưa nổi danh về tài chí cùng những đóng góp cho triều chính mà họ phò tá. Ẩn sau lời thơ, lẽ chẳng còn chính là nỗi lòng của thi nhân luôn hướng về quê nhà:

Nhân long hóa khứ hiện thân long,

Tiểu thạch lâm lưu miện Hán Trung.

Bắc hướng, trầm cơ khu nhận trận,

Đông thôn, dương mộ dịch đồn phong.

Đỉnh phân vô lực tranh thương hiệu,

Miếu tự hàn tâm ý bích không.

Tùng bách y hi khuyh cái nhật,

Hành Dương thu thủy chiếu cô trung.

(**Gia Cát Vũ Hầu miếu**)

“Rồng người” hóa rồi thì “rồng thần” hiện ra,

Núi đá cao ngất bên dòng sông, nhìn